

# TUYỂN SINH ĐẠI HỌC Ở HOA KÌ, NHẬT BẢN, THÁI LAN, TRUNG QUỐC

**GS.TSKH. LÂM QUANG THIỆP**

## 1. Ở HOA KÌ

Các trường ĐH không tổ chức thi tuyển mà chỉ xét tuyển dựa vào kết quả của các kì thi do các công ty không thuộc Nhà nước tổ chức. Hai dịch vụ hỗ trợ việc thi tuyển ĐH ở Hoa Kỳ là:

**1.1. SAT (Scholastic Assessment Test) do công ty ETS (Educational Testing Services) tổ chức.** SAT ban đầu được gọi là Scholastic Aptitude Test, hình thành từ năm 1900, do nhóm trường ĐH phía đông Hoa Kỳ tổ chức nhằm giúp HS không phải thi vào ĐH tại nhiều trường. Phương thức ra đề thi lúc đầu là tự luận (TL), đánh giá chủ yếu là 2 khả năng: ngôn ngữ (tiếng Anh) và toán học. Kì thi tiến hành một lần, với thời gian tổng cộng là 3 giờ. Điểm tối đa của cả hai môn là 800, mức đạt trung bình là 500. Từ 1926, SAT được các trường ĐH toàn liên bang Hoa Kỳ công nhận và sử dụng, cách ra đề chủ yếu là trắc nghiệm khách quan (TNKQ). Năm 1994, Scholastic Aptitude Test đổi tên là Scholastic Assessment Test (SAT); và được chia tiếp: phần chia thành SAT I (cho toàn bộ thí sinh) và SAT II (thêm phần TL 20 phút, do thí sinh lựa chọn).

**1.2. ACT (American College Test) do Chương trình ACT (American College Test Program) triển khai.** ACT được tổ chức từ năm 1959, để có thêm một sự lựa chọn cho thí sinh. ACT bắt đầu được sử dụng ở các trường ĐH phía tây trung Hoa Kỳ; từ năm 1960, được sử dụng trong toàn Hoa Kỳ. Phương thức ra đề thi là TNKQ, đánh giá 4 khả năng: tiếng Anh, toán, đọc hiểu và suy luận khoa học. Kì thi được tổ chức một buổi với thời gian là 3 giờ. Điểm tối đa là 36, mức đạt trung bình là 20. Ngoài ra, qua đăng kí của thí sinh, ACT còn đưa ra bộ câu hỏi để đánh giá năng khiếu và sở trường nghề nghiệp; do đó, khi trả kết quả, ACT có lời khuyên rất cụ thể cho thí sinh nên chọn trường nào, nghề nào thì có khả năng thành công nhất trong cuộc đời.

Cả SAT và ACT thường tổ chức mỗi năm 4 lần, cho HS ở những năm cuối của bậc trung học phổ thông. Hiện nay, hằng năm có khoảng 1.8 triệu thí sinh thi SAT và 1.6 triệu thí sinh thi ACT. HS Hoa Kỳ thường gửi đơn xét tuyển đến 5 hoặc 6 trường ĐH. Các trường ĐH căn cứ trên điểm SAT (hoặc ACT), điểm trung bình học tập ở

THPT (GPA), và một số nhân tố khác liên quan đến từng cá nhân (phong vấn, hoạt động xã hội, thu nhập nghề...) để xét tuyển. Tùy theo từng loại trường ĐH, trọng số của từng yếu tố trên có thể biểu diễn bằng bảng các sơ đồ sau:



## 2. Ở NHẬT BẢN

*Trung tâm quốc gia về tuyển sinh ĐH* được thành lập năm 1977, để phục vụ cho các kì thi "trắc nghiệm thành quả giai đoạn đầu liên kết" (Joint First Stage Achievement Test) của các trường ĐH công lập quốc gia và khu vực, triển khai từ 1977-1989. Từ 1990, kì thi trên được thay bằng kì thi "trắc nghiệm trung tâm quốc gia tuyển sinh ĐH" (National Center Test For University Admission) thống nhất cho đến nay. Năm 1990, có 148 trường ĐH tham gia kì thi chung (tất cả các trường quốc gia, hơn 1/2 trường khu vực và địa phương, một ít trường tư). Năm 1999, có 373 trường ĐH tham dự (bao gồm hầu hết các trường ĐH vì thêm nhiều trường khu vực, địa phương). Số HS dự thi (1998) gần 600.000 người. Đề thi được soạn hoàn toàn theo phương thức TNKQ, cho 6 nhóm (8 phân nhóm) môn học, 31 môn cụ thể. 6 nhóm môn thi được quy định là: 1) Ngoại ngữ: tiếng Anh, tiếng Đức, tiếng Nga, tiếng Trung Quốc; 2) Địa lí và Lịch sử (Lịch sử thế giới A,B; Lịch sử Nhật Bản A,B; Địa lí A,B); 3) Toán, gồm 2 phân nhóm: Toán 1 (I, IA); Toán 2 (II, IIA, toán trong công nghệ, kế toán, cơ sở xử lí thông tin); 4) Tiếng Nhật (I và II); 5) Khoa học, gồm 2 phân nhóm: Khoa học 1 (Khoa học tích hợp, Vật lí IA, Vật lí IB, Sinh học IA, Sinh học IB,); Khoa học 2 (Hoá học IA, Hoá học IB, Khoa học trái đất IA, Khoa học trái đất IB); 6) Giáo dục công dân (Xã hội đương đại, Đạo đức, Chính trị Kinh tế). Thí sinh có thể lựa chọn 5 môn của 5 phân nhóm nào đó, tùy theo quy định của trường ĐH mà thí sinh định dự tuyển. Việc thiết kế các môn thi cho các kì thi được thực hiện theo "a la carte method" (gọi theo món).

Tùy theo ngành đào tạo, các trường ĐH yêu cầu thí sinh phải thi "trắc nghiệm trung tâm quốc gia tuyển sinh ĐH" theo các môn xác định. Một số

trường còn tổ chức thêm kì thi thử hai theo yêu cầu đặc thù của trường mình bằng các phương thức thi khác.

*Trung tâm quốc gia về tuyển sinh ĐH có khoảng 100 người, chỉ tiêu mỗi năm cỡ 100 triệu USD.*

### 3. Ở Thái Lan

Từ năm 1967, kì thi tuyển sinh ĐH liên kết (Joint Higher Education entrance examination - JHEEE) được tổ chức một lần trong năm, vào tháng 4 hằng năm. Đề thi được ra theo phương thức TNKQ. Hầu hết các trường ĐH công lập và nhiều trường ĐH tư thục gia kì thi này. SV có thể xin dự tuyển vào học một trong các nơi mong muốn. Sau khi có điểm JHEEE, trường ĐH có thể tổ chức thêm phỏng vấn, kiểm tra sức khoẻ, năng khiếu, v. tuy ngành nghệ. Năm 1998, có 190 nghìn HS Thái Lan tham dự kì thi. Ngoài số SV lấy từ kì thi tuyển sinh liên kết thống nhất, các trường ĐH khu vực còn được nhận HS từ các địa phương theo chỉ tiêu quy định và tuyển bằng các kì thi riêng, nhưng số này không được vượt quá 50%.

Từ năm 1998, Thái Lan bắt đầu cải tiến kì thi liên kết bằng biện pháp sau:

- Tuyển sinh dựa trên nhiều chỉ số: điểm thi của một trong 15 môn học chính; điểm thi một môn chuyên biệt đặc trưng cho nghề nghiệp; điểm trung bình của một môn học; kiểm tra thể lực và phỏng vấn. Trọng số của môn học chính và môn đặc biệt là 90%, điểm trung bình THPT là 10 %.

Để thi cho các môn học chính được xây dựng theo phương pháp TNKQ, phủ kín chương trình các lớp 10-12 THPT chính quy.

- Các môn học chính bao gồm 15 môn sau đây: Hoá học, Sinh học, Vật lí học, Toán học 1 ( cho HS khoa học), Toán học 2 (cho HS xã hội - nhân văn), Khoa học đại cương (cho HS xã hội-nhân văn), Xã hội học, tiếng Thái, tiếng Anh, tiếng Pháp, tiếng Đức, tiếng Bali, tiếng Ả-rập, tiếng Trung Quốc, tiếng Nhật. Đề thi tiếng Thái, tiếng Anh và Xã hội học được sử dụng cho HS học ngành Khoa học và Xã hội nhân văn. Tuy nhiên, điểm tối thiểu yêu cầu đối với 2 nhóm HS là khác nhau. Điểm thi của HS được bảo lưu giá trị trong 3 năm.

- Các môn học chính sẽ được tổ chức thi mỗi năm 2 lần, vào tháng tư và tháng 10, cho những HS đang học hoặc đã kết thúc lớp 12. Các môn đặc biệt cho các ngành đào tạo xác định (26 môn) do Bộ Đại học tổ chức thi mỗi năm 1 lần.

- Sau khi biết kết quả thi, HS sẽ chọn không quá 4 ngành học phù hợp. Văn phòng trắc nghiệm trung tâm sẽ tổng hợp các kết quả để sắp xếp, phân phối. SV được chấp nhận vào trường sẽ được kiểm tra thể lực và phỏng vấn.

### 4. Ở Trung Quốc

*Cơ quan đặc trách về thi của giáo dục quốc gia (National Education Examination Authority- NEEA), thuộc Ủy ban giáo dục quốc gia (nay là Bộ*

*Giáo dục), được thành lập vào cuối thập niên 70 của thế kỉ XX để làm nòng cốt trong việc cải cách thi cử. Cơ quan này đưa vào Trung Quốc những lí thuyết và công nghệ đánh giá của nước ngoài. Năm 1985, kì thi tuyển sinh ĐH bằng phương pháp TNKQ tiêu chuẩn hoá được thử nghiệm. Năm 1989, phương pháp này được áp dụng trong toàn quốc. Cũng từ 1985, Trung Quốc cải cách kì thi tốt nghiệp trung học phổ thông (Senior High School Graduation Examination-SHSGE) bằng cách đưa phương pháp TNKQ đánh giá toàn diện các môn học. Hiện nay, kì thi tốt nghiệp THPT được giao cho các địa phương; còn kì thi tuyển ĐH được tổ chức thống nhất trên cả lục địa Trung Quốc, tiến hành vào đầu tháng 7 hằng năm. Đề thi được soạn thảo chủ yếu theo phương thức TNKQ đối với phần lớn các môn thi; đồng thời, phương thức trắc nghiệm TL cũng được dùng cho một số ít môn đặc thù. □*

#### Tài liệu tham khảo

1. Scholastic Achievement Test (SAT), American College Test (ACT). Microsoft Encarta 98 Encyclopedia.
2. National Center For University Entrance Examinations, Tokyo Japan, 1998.
3. The New University Entrance System in Thai Land. Bureau of Central Testing, Ministry of University Affairs, Thailand, 5/1998.
4. Handbook on Diplomas, Degree and other Certificates in Higher Education in ASIA and the PACIFIC.
5. GRE Guide 1995-1996, ETS, 1995.
6. GRE Practicing to take General Test, ETS, 1995
7. Cracking the SAT, Princeton Review, Random House, New York, 1997.
8. Cracking the ACT, Princeton Review, Random House, New York, 1997.
9. Cracking the GRE, Princeton Review, Random House, New York, 1997.
10. Graduate Management Admission Test-GMAT- Bulletin of Information and Registration, ETS, 1994